TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Bà Phạm Thị Bích Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T**.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Thanh L –** Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ. Địa chỉ: Số 95-97-99, Võ Văn T, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Giấy ủy quyền ngày 19/12/2022). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Thu N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T (có ông Hồ Thanh L đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 17/5/2016, bà Huỳnh Thị Thu N có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 45.922.027 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 20.335.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 31/7/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 24/4/2023, bà N còn nợ các khoản nợ sau: Nợ gốc: 40.250.103 đồng; Lãi quá hạn: 105.340.109 đồng; Tổng cộng: 145.590.212 đồng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu N phải trả cho ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2023 là 145.590.212 đồng *(Một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ngàn hai trăm mười hai đồng).* Trong đó: Nợ gốc: 40.250.103 đồng; Lãi quá hạn: 105.340.109 đồng. Bà N phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự hợp lệ đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thu N để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà

N vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu N phải thanh toán tổng số tiền là 12/5/2023 là 146.495.846 đồng *(Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng).* Trong đó: Nợ gốc: 40.250.103 đồng; Lãi quá hạn: 106.245.743 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Thu N trả tiền nợ vay căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày ký 17/5/2016. Theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N với hạn mức là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 45.922.027 đồng *(Bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ngàn không trăm hai mươi bảy đồng)*. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 20.335.000 đồng *(Hai mươi triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng)*.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/7/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Như vậy, đây là cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng là sự thật.

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau, về nội dung và hình thức của hợp đồng thoả mãn các điều kiện được quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Trong quá trình vay vốn, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu bà N trả tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 12/5/2023 bà N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền nợ gốc và lãi là 146.495.846 đồng *(Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng)*. Trong đó: Nợ gốc: 40.250.103 đồng; Lãi quá hạn: 106.245.743 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T là tổ chức tín dụng có chức năng cho vay và được Ngân hàng Nhà nước xét duyệt. Theo đó, việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là không trái quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91; Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thu N trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền là 146.495.846 đồng *(Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng).* Trong đó: Nợ gốc: 40.250.103 đồng; Lãi quá hạn: 106.245.743 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2023), bà Huỳnh Thị Thu N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 7.324.792 đồng *(Bảy triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 3.473.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003845 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng